

NHỮNG GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

PTS. NGUYỄN ĐĂNG DỠN & ĐẶNG VĂN QUANG

Có thể nói sau gần 10 năm đổi mới, với việc thực hiện cải cách hệ thống tài chính ngân hàng, trên đất nước ta đã hình thành một hệ thống các ngân hàng cấp II - mà nòng cốt là các NHTM, trong đó giữ vai trò chủ đạo là các ngân hàng quốc doanh, đã đóng góp một phần rất lớn cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, tạo đà để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- 4 NHTM quốc doanh:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN: đây là ngân hàng có số lượng chi nhánh lớn nhất ở VN với hơn 1.250 chi nhánh lớn nhỏ trong cả nước, vốn điều lệ 2.200 tỷ VNĐ.

+ Ngân hàng công thương VN: ngân hàng có quy mô loại lớn nhất ở VN, có hàng trăm chi nhánh và phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm, vốn điều lệ 1.100 tỷ VNĐ.

+ Ngân hàng Ngoại thương VN: với số lượng 20 chi nhánh trong cả nước, vốn điều lệ 1.100 tỷ VNĐ.

+ Ngân hàng đầu tư và phát triển VN: với 61 chi nhánh trong cả nước, vốn điều lệ 1.100 tỷ VNĐ.

Các NHTM VN đều là những ngân hàng hoạt động có uy tín không những ở trong nước mà còn ở nước ngoài. Mỗi ngân hàng quốc doanh đều có quan hệ đại lý và giao dịch với hàng trăm ngân hàng ở khắp nơi trên thế giới.

Ngoài ra còn có các ngân hàng chính sách, như Ngân hàng phục vụ người nghèo, Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long.

- 54 NHTM cổ phần với hàng trăm chi nhánh trong cả nước (trong đó có 34 Ngân hàng cổ phần đô thị và 20 ngân hàng cổ phần nông thôn).

- 2 công ty tài chính cổ phần.

- 4 Ngân hàng liên doanh.

- 24 Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- 911 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, 8 quỹ tín dụng nhân dân khu vực và 1 quỹ tín dụng nhân dân trung ương.

Xét về mặt định lượng, với số lượng NHTM và các tổ chức tín dụng như nói ở trên, chúng tôi cho là tương đối "phù hợp", số lượng như vậy là đủ, chỉ cần phát triển thêm các công ty tài chính, các quỹ tín dụng nhân dân và các công ty cho thuê tài chính, là có thể gánh vác được nhiệm vụ to lớn của hệ thống ngân hàng cấp 2.

Xét về mặt chất lượng, hoạt động của hệ thống NHTM của VN còn có vấn đề, cần đi sâu phân tích tìm tòi, đề đạt lời giải cho hướng phát triển trong những năm tiếp theo.

Hoạt động của hệ thống này có thể nhìn nhận một cách khái quát trên các mặt như sau:

- Tình hình huy động nguồn vốn

Các NHTM VN đã mở ra nhiều hình thức huy động vốn với những kỳ hạn khác nhau, từ không kỳ hạn, đến kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng, 1 năm, 2 năm, 3 năm, với những loại như sau:

- Tiết kiệm bằng đồng VN và bằng ngoại tệ.
- Tiết kiệm có đảm bảo giá trị theo vàng.
- Kỳ phiếu NHTM bằng VNĐ và bằng ngoại tệ.
- Trái phiếu NHTM.
- Tiết kiệm xây dựng nhà ở...

Lãi suất các loại tiền gửi áp dụng linh hoạt có tính đến yếu tố trượt giá nhằm khuyến khích người dân gửi tiền vào ngân hàng.

Huy động nguồn trong dân cư của các NHTM VN ngày càng tăng, số dư tiền gửi tiết kiệm những năm 1986, 1987, 1988 chỉ đạt trên dưới 2.000 tỷ VNĐ, đến cuối năm 1995 lên đến 17.000 tỷ VNĐ. Năm 1997, nguồn vốn huy động của hệ thống NHTM vẫn tiếp tục tăng, tốc độ tăng 25,7% so với năm 1996.

Có thể nói công tác huy động nguồn vốn của hệ thống ngân hàng đã thu được kết quả đáng khích lệ, nhiều nguồn tiền nhàn rỗi trong xã hội đã được huy động qua hệ thống ngân hàng, vừa có tác dụng làm giảm cơ sở tiền tệ của nền kinh tế, nhờ đó làm giảm áp lực lạm phát, vừa tạo ra nguồn vốn tín dụng rất to lớn để cung ứng cho nền kinh tế, khối lượng mà hệ thống NHTM cung cấp cho nền kinh tế trên dưới 100 ngàn tỷ VNĐ chứng tỏ công tác nguồn vốn có tiến triển tốt.

- Tình hình cho vay

- * Tỷ lệ đầu tư tín dụng thay đổi trong các thành phần kinh tế:

Thời kỳ bao cấp, tín dụng ngân hàng tập trung đến 90% cho xí nghiệp quốc doanh, 10% cho khu vực HTX và không cho vay cá thể. Những năm 1991 - 1995, cơ chế tín dụng đã có sự thay đổi cơ bản:

	1990	1991	1992	1993	1994	1995
- Cho vay DNQD	81%	90%	81%	65%	64%	57%
- Cho vay DN ngoài QD	19%	10%	19%	35%	36%	43%

* Thay đổi tỷ trọng các loại cho vay: Trước đây tín dụng ngắn hạn chiếm 95% tổng dư nợ, những năm gần đây tỷ trọng này đã được cải thiện.

	1990	1991	1992	1993	1994	1995
- Cho vay ngắn hạn	95%	85%	83%	77%	67%	69%
- Cho vay trung hạn	5%	2%	4%	14%	18%	24%
- Cho vay dài hạn		13%	13%	9%	15%	7%

- Kinh doanh dịch vụ ngân hàng

Loại hình kinh doanh dịch vụ ngân hàng càng được mở rộng, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của xã hội.

I ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH CỦA HỆ THỐNG NHTM

Có thể nói như sau:

1. Những thành công:

- * Hệ thống NHTM VN đã phát triển mang tính đa năng, đa dạng hình thức hoạt động đã thích ứng được từng địa bàn hoạt động ở đô thị và nông thôn, hướng kinh doanh đã chú trọng đến phục vụ tăng trưởng kinh tế, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, nông dân vùng xa.

- * Nguồn vốn huy động của hệ thống NHTM VN ngày càng tăng, chính sách huy động vốn của nhà nước được các tầng lớp nhân dân ủng hộ, nên đã động viên thu hút ngày càng nhiều tiền nhàn rỗi trong nhân dân, hệ thống NHTM có mạng lưới tiết kiệm rộng khắp, hình thức huy động vốn ngày càng thích hợp, lãi suất huy động vốn đang từng bước phù hợp với cơ chế thị trường, thái độ phương thức phục vụ

của các NHTM đã có nhiều đổi mới.

* Đầu tư vốn tín dụng của hệ thống NHTM chú trọng cho sự phát triển sản xuất kinh doanh, có lãi tăng thu nhập và làm nghĩa vụ cho nhà nước. Trong đầu tư tín dụng đã có nhiều chuyển biến tích cực, thể hiện:

- Vốn đầu tư tăng nhanh thể hiện xu thế phát triển của nền kinh tế.

- Tín dụng chuyển biến về mặt cơ cấu đầu tư, tín dụng trung, dài hạn tăng nhanh hơn tín dụng ngắn hạn, góp phần hỗ trợ nhiều doanh nghiệp mở rộng sản xuất, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Các NHTM quốc doanh đang giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư vốn cho nền kinh tế, chiếm hơn 80% dư nợ trong hệ thống NHTM.

- Nhiều ngân hàng, giám đốc, cán bộ đã có phương pháp, tác phong mới, chủ động tìm kiếm khách hàng, thị trường đầu tư, thái độ phục vụ văn minh, chất lượng cán bộ nghiệp vụ được nâng cao.

- Việc kiểm tra, đôn đốc, giải xử lý kinh tế với pháp luật được chú ý.

- Chính sách quản lý vĩ mô của NHTM dần được sát hợp với thực tế và linh hoạt hơn, tạo điều kiện cho NHTM hoạt động hữu hiệu.

2. Những tồn tại vướng mắc

- Hành lang pháp lý chưa đảm bảo cơ hội đồng đều giữa các NHTM trong cạnh tranh.

- * Trong thực tế, NHTM quốc doanh có nhiều lợi thế so sánh trong cho vay tái chiết khấu, bảo lãnh vay vốn nước ngoài, công tác đào tạo cán bộ... thường NHNN chú ý đến NHTM quốc doanh nhiều hơn.

- * Hành lang pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ có liên quan đến vận dụng nguyên tắc chế độ cho vay còn nhiều lúng túng, đặc biệt trong thế chấp cầm cố, giải tỏa tài sản thế chấp, cấp bù lỗ theo chính sách, bù đắp rủi ro tín dụng ngân hàng đang là những tồn tại và vướng mắc để đảm bảo khả năng an toàn tín dụng của NHTM và sự ổn định chung của nền kinh tế.

- Huy động vốn còn nhiều mặt hạn chế, đó là:

- * Chính sách biện pháp hình thức huy động vẫn còn đơn điệu, mang tính cổ truyền, cứng nhắc, đổi mới chậm, chưa phù hợp với thực tế.

- * Huy động vốn trung và dài hạn còn gặp nhiều khó khăn trở ngại như: tích lũy nội bộ nền kinh tế còn thấp, tỷ lệ tiết kiệm chưa cao, đồng tiền chưa thật ổn định, tỷ giá đang trong quá trình điều chỉnh nên người dân chưa an tâm thật sự khi gửi tiền dài hạn vào ngân hàng; các NHTM thiếu các công cụ huy động vốn dài hạn và thiếu thị trường thứ cấp để luân chuyển và tạo ra thanh khoản dễ dàng của các công cụ này.

- Trong đầu tư còn nhiều mặt tồn tại:

- * Hiệu quả đầu tư vào nền kinh tế chưa cao, cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, sản xuất nông nghiệp cần vốn nhưng đầu tư chưa đủ. Đặc biệt từ năm 1997, nền kinh tế có nhiều biến động, tín dụng ngân hàng trở nên khó khăn hơn, trong đó do nhiều nguyên nhân như khả năng tài chính và sức cạnh tranh của các đơn vị trong nước còn yếu kém, cơ cấu đầu tư vào khách sạn, nhà hàng, du lịch trong khi thị trường bất động sản mấy năm gần đây trầm lắng, sản xuất kinh doanh chưa tính toán chính xác nhu cầu, thị hiếu của thị trường gây thừa ế, ứ đọng sản phẩm. Dư nợ tín dụng tập trung trên 60% cho doanh nghiệp nhà nước trong khi sản xuất kinh doanh của DNNN kém hiệu quả, tỷ lệ DNNN làm ăn thua lỗ ngày càng tăng cao: năm 1993: 8%, năm 1994: 16%, năm 1995: 25%, năm 1996: 35% doanh nghiệp thua lỗ. Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh (đặc biệt công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân) khả năng quản lý yếu kém, nhiều doanh nghiệp thua lỗ không có khả năng trả nợ. Vốn tín dụng ngân hàng chiếm tới 85 - 90% vốn lưu động của doanh nghiệp, không đúng với nguyên tắc

bổ sung cho doanh nghiệp, bên cạnh nhiều doanh nghiệp sử dụng sai mục đích, cộng với yếu kém quản lý ngân hàng, đã gây nhiều nợ quá hạn, và tăng cao chiếm tỷ lệ trên 10% so với tổng dư nợ.

- * Bản thân từng NHTM, với vốn tự có nhỏ bé, đặc biệt NHTM cổ phần, đã hạn chế uy tín và khả năng huy động vốn để mở rộng cho vay, năng lực tài chính và khả năng thanh toán của nhiều ngân hàng còn yếu.

- * Quản lý kinh doanh của các NHTM có biểu hiện yếu kém trong việc thực thi quy trình, thẩm định không sát thực tế, cho vay đảo nợ, gian lận nợ không đúng... đang là phổ biến, khiến cho hoạt động tín dụng đang nổi cộm nhiều vấn đề, rủi ro lớn, đe dọa sự an toàn của từng ngân hàng cũng như hệ thống NHTM.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Đảm bảo an toàn trong kinh doanh của các NHTM là quản lý một cách có hiệu quả tài sản nợ, tài sản có, mà nội dung chủ yếu là huy động nhiều vốn hơn với giá rẻ hơn, đồng thời sử dụng vốn có hiệu quả ít rủi ro, nâng cao năng lực tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán. Muốn vậy, cần phải có những giải pháp đồng bộ cả về quản lý vĩ mô và cơ chế điều hành kinh doanh của các NHTM nhằm bảo đảm an toàn kinh doanh cao nhất. Những giải pháp chủ yếu bao gồm:

1. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, quy chế nhằm bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của hệ thống NHTM

Trên cơ sở Luật ngân hàng, Luật các tổ chức tín dụng, chính phủ và NHNN sớm ban hành các văn bản dưới luật nhằm cụ thể hóa thành cơ chế, quy chế mới phù hợp với nội dung quy định của luật để tạo hành lang đảm bảo an toàn cho hoạt động của các NHTM. Trong đó cần sớm hoàn thiện các cơ chế về bảo đảm tiền gửi, bảo đảm tín dụng, dự trữ bắt buộc, cho vay đồng tài trợ, thế chấp cầm cố bảo đảm, hoàn thiện hệ thống thể lệ tín dụng, quy chế thanh tra kiểm soát quỹ bù đắp rủi ro, hệ thống thông tin kinh tế, phòng ngừa rủi ro...

2. Củng cố, sắp xếp lại hệ thống NHTM cổ phần:

Hệ thống NHTM cổ phần tuy có nhiều cố gắng và tích cực để phát triển, nhưng hiện nay đang bộc lộ nhiều yếu điểm như vốn điều lệ thấp so với quy định, thiếu bản lĩnh kinh doanh và khả năng cạnh tranh, tổ chức bộ máy thường xuyên không ổn định, quản trị điều hành yếu kém, ban kiểm soát chỉ là hình thức... Từ đó dẫn đến nhiều yếu kém trong kinh doanh như huy động nhỏ, chủ yếu từ dân cư, không mở rộng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, chất lượng yếu kém, nợ quá hạn cao.

Từ thực tiễn hoạt động NHTMCP, cần thiết phải có sự củng cố sắp xếp lại hệ thống NHTMCP theo hướng tập trung tăng cường chất lượng, sớm hình thành các NHTMCP lớn, có đủ tiềm lực vốn, có uy tín cả trong nước và quốc tế, đủ sức cạnh tranh trên từng địa bàn, trên lĩnh vực liên doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng. Các NHTM cần sớm tự thân chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của hội đồng quản trị, ban kiểm soát, người điều hành đủ năng lực. Hoàn thiện và hiện đại hóa các nghiệp vụ ngân hàng truyền thống, tiếp nhận và phát triển các nghiệp vụ và công nghệ mới của ngân hàng tiên tiến, đặc biệt là chấn chỉnh lại hoạt động kinh doanh đang có nhiều yếu kém.

3. Cải tiến chế độ tín dụng theo hướng:

- * Rà soát, cải tiến lại thủ tục cho vay gọn nhẹ, nhưng hiệu lực, đảm bảo an toàn. Riêng đối với hộ nông dân càng chú ý hơn để giảm bớt thủ tục, áp dụng mức vốn vay và thời hạn vay phù hợp, đáp ứng được nhu cầu vay của các đối tượng vay vốn, đồng thời nâng cao hiệu quả quản tín dụng, thu hồi vốn nhanh.

- * Quy định thế chấp và mức độ thế chấp tùy thuộc vào độ tín nhiệm của người vay là chính, không cứng nhắc về mức và phân biệt đối tượng, thành phần kinh tế, chú ý đến khả năng phát mại nhanh để thu hồi vốn.

- * Áp dụng các phương pháp và điều kiện vay theo thông

lệ quốc tế, nhất là cho vay theo dự án, cho vay thời hạn dài, quy định thời gian trả hạn thích hợp, các biện pháp cho vay bậc cầu, cho vay chuẩn bị.

* Đa dạng hóa các loại hình cho vay: - Mở rộng cho vay trung và dài hạn để tài trợ cho các hoạt động đầu tư đổi mới thiết bị, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong các doanh nghiệp để thúc đẩy tăng năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động...

- Áp dụng rộng rãi loại hình "cho thuê tài chính" nhất là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này có điều kiện đổi mới trang thiết bị và dây chuyền sản xuất hiện đại tiên tiến.

* Mở rộng loại hình cho vay gián tiếp (chiết khấu chứng từ) tạo điều kiện và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của thị trường chứng khoán.

* Mở rộng cho vay trên nhiều lĩnh vực, các NHTM nên chủ động tìm kiếm dự án, tìm kiếm khách hàng, đưa các cán bộ có năng lực và phẩm chất giúp đỡ khách hàng trong việc tìm kiếm phương án kinh doanh, lập dự án có hiệu quả để mở rộng đầu tư vốn, với phương châm tích cực, năng động, nhưng an toàn và hiệu quả. Tập trung vốn tín dụng vào các dự án khả thi nằm trong chương trình phát triển kinh tế từng vùng, từng khu vực, từng ngành kinh tế. Thực hiện tăng dư nợ một cách lành mạnh, tạo ra hàng hóa, dịch vụ, tăng trưởng kinh tế bảo đảm được khả năng thu hồi vốn cho nông dân, cho các dự án đơn vị làm hàng xuất khẩu, đưa vốn đúng lúc, tận dụng thời vụ, tình hình giá cả trong nước và quốc tế.

* Tiếp tục chấn chỉnh và củng cố hoạt động NHTM để nâng cao chất lượng tín dụng, thông qua các biện pháp như phân loại đúng nợ quá hạn để có thể xử lý phù hợp nhằm giải tỏa vốn, quay vòng vốn, không để vốn nằm đọng, xử lý giải tỏa nhanh tài sản thế chấp, nhất là bất động sản có gắn liền với sử dụng đất của các doanh nghiệp phá sản theo chỉ đạo của Chính phủ để thu hồi vốn cho các NHTM, xử lý bù đắp kịp thời khoản nợ do thiên tai, bão lụt hạn hán, những khoản nợ do cơ chế như vốn chuyển thành vốn cấp ngân sách bổ sung vốn lưu động cho doanh nghiệp nhà nước.

4. Nâng cao vai trò chủ đạo của NHTM quốc doanh:

Các NHTM quốc doanh vừa phải hoạt động bình đẳng trong cơ chế thị trường, vừa thể hiện rõ định hướng XHCN và vị trí chủ đạo của mình trong hệ thống NHTM, là chỗ dựa và là công cụ đặc lực trong tay nhà nước để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Các NHTM không thể chỉ biết kinh doanh với lời lãi đơn thuần, cũng không thể là bà đỡ nuôi dưỡng các doanh nghiệp quốc doanh thời bao cấp. NHTM quốc doanh, trong kinh doanh đòi hỏi tuân thủ quy luật của kinh tế thị trường đồng thời phải biết hướng hoạt động kinh doanh tiền tệ phục vụ các ưu tiên kinh tế nhà nước, phải xử lý hài hòa giữa lợi ích kinh doanh với việc thực thi các chính sách xã hội khi cần với mức độ và điều kiện cho phép. Để nâng cao được vai trò chủ đạo các NHTM quốc doanh cần có tiềm lực vốn tự có, nhà nước cấp đủ vốn điều lệ hoặc tăng thêm vốn điều lệ cần thiết, NHTM quốc doanh có vai trò chính để thu hút các nguồn vốn của các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế, đầu tư tín dụng theo hướng chương trình lớn dự án lớn, phát triển mạnh mẽ và hợp lý mạng lưới, đổi mới công nghệ và nâng cao trình độ cán bộ quản lý để tiến kịp theo xu thế mới.

5. Tăng cường công tác thanh tra kiểm soát của NHNN:

Nhằm đảm bảo cho hệ thống NHTM duy trì hoạt động kinh doanh lành mạnh ổn định và có hiệu quả, với mục đích bảo vệ người gửi tiền, tránh cho nền kinh tế khỏi những biến động và khủng hoảng do hệ thống tiền tệ và ngân hàng gây ra, đồng thời ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi tiêu cực gây thất thoát lãng phí trong đầu tư vốn. Phương thức thanh tra cần được đổi mới, từ thanh tra vụ việc đến các phương pháp tiên tiến như giám sát từ xa, thanh tra tại chỗ. Thanh tra NHNN theo dõi sát tình hình hoạt động các NHTM nhằm phân tích thông tin kịp thời diễn biến phức tạp. Muốn công tác thanh tra tốt hơn, cần có đội ngũ thanh

tra, cơ chế hoạt động hữu hiệu, được trang bị hệ thống làm việc hiện đại và chế độ đãi ngộ xứng đáng.

6. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ:

Nhằm tự kiểm tra, tự phòng, tự tránh và tự chấn chỉnh những khuyết tật trong hoạt động của các ngân hàng. Kiểm soát nội bộ không dừng lại ở kiểm soát tài chính nội bộ, kho tàng, tài sản, nội dung kiểm soát cần được mở rộng theo chức năng thực hiện nhiệm vụ, theo khối công việc, vừa phát triển chấn chỉnh kịp thời những yếu tố lệch lạc trong kinh doanh, vừa có tác dụng đề xuất bổ sung trong tổ chức chỉ đạo điều hành và trong thể lệ chế độ. Tổ chức hệ thống tổng kiểm soát phải thật mạnh trong cơ cấu tổ chức và cán bộ, phương thức kiểm soát uyển chuyển linh hoạt nhưng khoa học, và kiểm soát theo chương trình định kỳ, đột xuất vụ việc, kết hợp tự tổ chức kiểm soát tại chỗ và hoán đổi công việc, nhằm đa dạng công tác kiểm soát nội bộ để phát hiện và xử lý những vi phạm lệch lạc.

7. Hoàn thiện cơ chế và chính sách ngoại hối:

Hướng tới mục tiêu chủ yếu là bảo vệ đồng tiền VN, từng bước thu hẹp tình trạng đôla hóa, thực hiện trên lãnh thổ VN, xây dựng chiến lược xử lý tỷ giá cơ bản lâu dài, đồng bộ trên cơ sở các biện pháp điều tiết kịp thời cho từng thời kỳ nhằm đảm bảo tỷ giá phù hợp với quan hệ cung cầu trên thị trường trong nước và trong mối tương quan với tỷ giá trên các thị trường quốc tế, có tác dụng khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, góp phần ổn định giá cả trong nước, nâng cao vị thế tiền đồng VN. Trong nghiệp vụ ngoại hối, cần mở rộng các nghiệp vụ trong giao dịch ngoại hối như nghiệp vụ mua bán giao ngay (SPOT), nghiệp vụ mua bán kỳ hạn (FORWARD), nghiệp vụ hoán đổi (SWAP). Để hạn chế rủi ro tỷ giá, làm phong phú thêm các hoạt động giao dịch trên thị trường. Nghiên cứu theo dõi rút kinh nghiệm về cuộc khủng hoảng tiền tệ trong khu vực nhằm điều chỉnh cơ chế điều hành trong nước, để phòng các biến động lớn do ảnh hưởng bên ngoài gây rối loạn tình hình kinh tế trong nước và hệ thống NHTM.

8. Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng:

Một là, phát triển mạnh mẽ các nghiệp vụ ngân hàng, tạo sự hoạt động toàn diện ngân hàng hiện đại. Hai là, xây dựng cơ sở kỹ thuật hiện đại để hội nhập quốc tế, trước hết là công tác thanh toán kế toán thông tin.

Các nghiệp vụ sẽ sử dụng rộng rãi trong NHTM như: tín dụng và thanh toán quốc tế, bảo lãnh thế chấp cầm cố, môi giới và đầu tư, tín dụng thuê mua, kinh doanh hối đoái, đại lý, uỷ thác, bán buôn hợp vốn, môi giới chứng khoán, các loại dịch vụ ngân hàng khác (tư vấn, kiều hối, thanh toán, chuyển tiền, tiết kiệm...).

Kỹ nghệ ngân hàng hiện đại được tiến hành dựa trên thành tựu tin học với những dàn máy tính tinh xảo và đường truyền dẫn liên thông quốc tế. Thực hiện chương trình này tùy theo khả năng vốn để có các phương án khả thi phù hợp, trong đó cần tập trung các chương trình ứng dụng như: hệ thống thanh toán nội bộ mỗi ngân hàng, nối mạng thanh toán quốc tế, hệ thống thanh toán liên ngân hàng, hệ thống xử lý tài khoản thanh toán... Quá trình hiện đại hóa, vì tính hóa sẽ được mở rộng trong tất cả các nghiệp vụ khác như thông tin phòng ngừa rủi ro, lập ngân hàng dữ liệu, thông tin điều hành...

Hệ thống NHTM và hoạt động của nó có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của nền kinh tế xã hội. Những nhà kinh tế tài chính nổi tiếng trên thế giới đều đánh giá rất cao vai trò của hệ thống NHTM. Họ cho rằng, ở nước nào có hệ thống ngân hàng ổn định, hoạt động có hiệu quả và an toàn thì nhất định ở nước đó nền kinh tế sẽ có được sự tăng trưởng vững chắc và hệ thống tài chính tiền tệ lành mạnh. Với tinh thần đó chúng tôi cho rằng, ở VN hiện nay rất cần phải có một hệ thống ngân hàng ổn định, hoạt động an toàn và hữu hiệu để góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế xã hội ■